

CÔNG TY CỔ PHẦN BETON 6

300000

Số: 08-2026/TB-BT6

(V/v: Công bố năng lực đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

300000

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 06 năm 2026

SỞ XÂY DỰNG TP. HỒ CHÍ MINH	
ĐẾN	Hành phúc:.....
	Ngày: 13-07-2026.....
Số và ký hiệu HS:.....	

**CÔNG BỐ CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ NĂNG LỰC
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

Kính gửi: Sở Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng;

Căn cứ giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng số 4332/GCN-SXD ngày 05/12/2023 của Sở Xây dựng tỉnh Bình Dương

Thực hiện Công văn số 1707/SXD-KTVLXD ngày 15/01/2026 của Sở Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh về việc triển khai, phổ biến quy định về thí nghiệm chuyên ngành xây dựng.

CÔNG TY CỔ PHẦN BETON 6 công bố công khai thông tin về năng lực hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng như sau:

I. Thông tin về Tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

1. Tên tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng: CÔNG TY CỔ PHẦN BETON 6

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3700364079 đăng ký lần đầu ngày 05/01/2001, đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 11/08/2025, nơi cấp: Sở Tài Chính thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: Km 1877 – Quốc Lộ 1K, Phường Đông Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Nguyễn Xuân Vinh

Chức vụ: Tổng giám đốc

Điện thoại: (0274) 3751617

Email: infor@beton6.com

Mã số thuế: 3700364079

Website: www.beton6.com

2. Thông tin Phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm BETON 6

(Kế thừa năng lực kinh nghiệm, thiết bị, nhân sự của Phòng thí nghiệm mã số LAS-XD 09.001 được cấp Theo giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng số: 4332/GCN-SXD ngày 05/12/2023 của Sở Xây dựng tỉnh Bình Dương)

Địa chỉ: Km 1877 – Quốc Lộ 1K, Phường Đông Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (0274) 3751617

Email: infor@beton6.com

II. Thông tin về năng lực của tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

1. Danh mục chỉ tiêu thí nghiệm; tiêu chuẩn kỹ thuật; máy móc, thiết bị; thí nghiệm viên tương ứng: Phụ lục I
2. Danh sách cán bộ, nhân viên của phòng thí nghiệm: Phụ lục II
3. Danh mục máy móc, thiết bị: Phụ lục III
4. Danh mục kiểm định/ hiệu chuẩn phương tiện đo lường: Phụ lục IV
5. Danh sách các trạm thí nghiệm hiện trường: Không có

Công ty Cổ Phần Beton 6 cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của hồ sơ và nội dung kê khai trong bản công bố; cam kết hành nghề hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo đúng nội dung ghi trong danh mục đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng được công bố và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan.

ĐẠI DIỆN
TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG
THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG
(Ký tên, đóng dấu)



Nguyễn Xuân Vinh
TỔNG GIÁM ĐỐC

PHỤ LỤC I
DANH MỤC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM; TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT; MÁY MÓC,
THIẾT BỊ; THÍ NGHIỆM VIÊN TƯƠNG ỨNG

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc thiết bị	Thí nghiệm viên phụ trách
I THỬ NGHIỆM CƠ LÝ XI MĂNG				
1	Xác định độ mịn	TCVN 13605:2023; ASTM C204-24; AASHTO T192-23; AASHTO T153-22	Cân kỹ thuật chính xác $\pm 0.01\text{g}$ và $\pm 0.0005\text{g}$, sàng 0.045mm, 0.09mm, thiết bị đo độ mịn Blaine, đồng hồ bấm giây	-Đào Xuân Tam; -Lê Thị Quỳnh Anh; -Võ Việt Đông
2	Xác định khối lượng riêng	TCVN 13605:2023; ASTM C188:23; AASHTO T133-22	Bình Le chatelier Cân kỹ thuật chính xác $\pm 0.01\text{g}$, bể ổn nhiệt	
3	Xác định giới hạn bền uốn, nén	TCVN 6016:2011; AASHTO T106M/T106-22; ASTM C109/C109M-24	Cân kỹ thuật chính xác $\pm 1\text{g}$, khuôn đúc mẫu (4x4x16)cm và (5x5x5)cm, bể ngâm, tủ dưỡng hộ, máy trộn vữa xi măng Ele 5 lít, máy nén uốn Ele ADR Auto 250/25, bộ gối uốn nén Ele, cát tiêu chuẩn, đồng hồ bấm giây	
4	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn	TCVN 6017:2015; ASTM C187-16	Cân kỹ thuật chính xác $\pm 1\text{g}$, máy trộn vữa xi măng Ele 5 lít, đồng hồ bấm giây, bộ Vicat, khuôn & kim thử.	
5	Xác định thời gian đông kết	TCVN 6017:2015; AASHTO T131-23; ASTM C191-21	Cân kỹ thuật chính xác $\pm 1\text{g}$, máy trộn vữa xi măng Ele 5 lít, đồng hồ bấm giây	
6	Xác định độ ổn định thể tích	TCVN 6017:2015	Dụng cụ Le Chatelier, cân kỹ thuật chính xác $\pm 1\text{g}$, thùng lược mẫu, tủ dưỡng hộ	
7	Xác định độ ẩm xi măng	TCVN 141:2023	Cân kỹ thuật chính xác $\pm 0.0001\text{g}$, tủ sấy 150 lít JP Selecta, khay, xúc, bình hút ẩm	
8	Xác định hàm lượng mất khi nung (MKN) của xi măng	TCVN 141:2023; ASTM C114-24	Cân kỹ thuật chính xác $\pm 0.0001\text{g}$, lò nung Naberthern Đức, khay, xúc, bình hút ẩm	
II THỬ NGHIỆM HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG				
9	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:2022; ASTM C143/C143M-20; AASHTO T119-23	Bộ côn thử độ sụt, que chọc, xe rùa, bay xúc, thước, đồng hồ bấm giây	-Đào Xuân Tam; -Lê Thị Quỳnh Anh; -Võ Việt Đông
10	Xác định khối lượng thể tích của hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:1993; JIS A1123-10; ASTM C138/138M-24a AASHTO T121M/T121-25	Cân kỹ thuật chính xác 5g, thùng đong hình trụ, thước lá bằng thép	
11	Xác định độ tách nước, tách vữa của hỗn hợp bê tông	TCVN 3109:2022; AASHTO T158M/T158-23 ASTM C232/232M -21	Khuôn 200x200x200mm, cân kỹ thuật độ chính xác $\leq 0.1\%$, thùng đong, bàn rung, thước, sàng, tủ sấy, khay, ống đong, pipet 5ml, bay	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc thiết bị	Thí nghiệm viên phụ trách
12	Thí nghiệm phân tích thành phần hỗn hợp bê tông	TCVN 3110:1993	Cân kỹ thuật 50kg, bộ sàng 5mm; 1.2mm và 0.15mm, tủ sấy 200°C, khay sấy, bay, xúc	-Đào Xuân Tam; -Lê Thị Quỳnh Anh; -Võ Việt Đông
13	Xác định hàm lượng bột khí của hỗn hợp bê tông	TCVN 3111:2022; ASTM C231/C231M-22 AASHTO T152-19; ASTM C173-23	Bình thử bọt khí, que đâm/ bàn rung, búa cao su, thanh gạt, ống đóng nước, quả bóp cao su, sàng có kích thước lỗ 40mm.	
14	Xác định khối lượng riêng của bê tông	TCVN 3112:2022; ASTM C642-21	Cân kỹ thuật độ chính xác 0.01g, tủ sấy 150 lít JP Selecta, khay, xúc, bình hút ẩm, bình KLR, sàng...	
15	Xác định độ hút nước của bê tông	TCVN 3113:2022; ASTM C642-21	Cân kỹ thuật độ chính xác 0.01g, tủ sấy (105±5)°C 150 lít JP Selecta, thùng ngâm, bình hút ẩm	
16	Xác định khối lượng thể tích của bê tông	TCVN 3115:2022; ASTM C642-21	Cân kỹ thuật độ chính xác 0.01g, tủ sấy (105±5)°C 150 lít JP Selecta, thước đo vạch chia 1mm, thùng ngâm, bình hút ẩm	
17	Xác định độ chống thấm nước	TCVN 3116:2022; ASTM D6489-24	Máy thử độ chống thấm, khuôn đúc mẫu (hình trụ 15x15cm), bàn chải sắt	
18	Xác định cường độ nén của bê tông	TCVN 3118:2022; TCVN 10303:2025; TCVN 12252:2020; ASTM C39/C39M-24; AASHTO T22M/T22-25; AASHTO T24-22; AASHTO T140-20; ASTM C42/C42M-20	Máy nén mẫu Ele 3000kN, máy capping mài mặt mẫu, tấm đệm truyền tải Matest, thước đo vạch chia 1mm, thước góc, đồng hồ đo thời gian có khả năng đọc đến 1s	
19	Xác định cường độ chịu kéo khi uốn	TCVN 3119:2022; AASHTO T97-18; AASHTO T177-17	Máy nén Ele, cơ cấu truyền lực, thước đo có vạch chia 1mm	
20	Xác định cường độ chịu kéo khi bẻ	TCVN 3120:2022; ASTM C 496-17; AASHTO T198-15	Máy nén Ele, gối truyền tải, tấm đệm, thước đo	
21	Xác định thời gian đông kết của hỗn hợp bê tông	TCVN 9338:2012; ASTM C403/C403M-23	Dụng cụ thử xuyên, khuôn chứa mẫu, sàng tiêu chuẩn, que chọc, nhiệt kế, pipet.	
III THỬ NGHIỆM CỐT LIỆU BÊ TÔNG VÀ VỮA, ĐÁ GỐC				
22	Xác định thành phần hạt	TCVN 7572-2:2006; ASTM C136/C136M-25; AASHTO T27-24; AASHTO T37-22	Cân kỹ thuật có độ chính xác 0.01g, tủ sấy (105±5)°C 150 lít JP Selecta, bộ sàng tiêu chuẩn, máy lắc sàng, khay sấy	-Đào Xuân Tam; -Lê Thị Quỳnh Anh; -Võ Việt Đông
23	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của cốt liệu	TCVN 7572-4:2006; ASTM C127-15; ASTM C128-25; AASHTO T84-22	Cân kỹ thuật có độ chính xác 0.01g, tủ sấy (105±5)°C 150 lít JP Selecta, bình dung tích, thùng ngâm mẫu, khăn thấm nước, khay, côn thử độ sụt của cốt liệu $D_{min}=40mm$ – $D_{max}=90mm$ – $H=75mm$, bình hút ẩm, sàng có kích thước mắt sàng 5mm & 140µm, phễu chứa	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc thiết bị	Thí nghiệm viên phụ trách
24	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và hạt cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006; ASTM C127-15; AASHTO T85-22	Cân kỹ thuật có độ chính xác 0.01g, cân thủy tĩnh có độ chính xác 1% và có giỏ đựng mẫu, tủ sấy (105±5)°C 150 lít JP Selecta, thước kẹp, thùng ngâm mẫu, khăn thấm nước, khay, bàn chải sắt	-Đào Xuân Tam; -Lê Thị Quỳnh Anh; -Võ Việt Đông
25	Xác định khối lượng thể tích xốp và độ hồng	TCVN 7572-6:2006; ASTM C29/C29M-23; AASHTO T19M/T19-25	Cân kỹ thuật có độ chính xác 1%, tủ sấy (105±5)°C 150 lít JP Selecta, thùng đóng, phễu chứa vật liệu, bộ sàng tiêu chuẩn, khay, thước lá kim loại, thanh gỗ thẳng	
26	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:2006; ASTM C70-20; AASHTO T255-22; ASTM C566-25;	Cân kỹ thuật có độ chính xác 0.01g, tủ sấy (105±5)°C 150 lít JP Selecta, khay sấy, dụng cụ đảo mẫu	
27	Xác định hàm lượng bụi, bùn, sét, trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:2006; AASHTO T21M/T21-20; AASHTO T71-22; ASTM C117-17; ASTM C142/C142-17-23	Cân kỹ thuật có độ chính xác 0.01g, cân phân tích có độ chính xác 0.001g, tủ sấy 150 lít JP Selecta, thùng rửa cốt liệu, đồng hồ bấm giây, tấm kính, que	
28	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:2006; ASTM C40/C40M-20; AASHTO T21M/T21-20	Ổng đóng (100; 250ml); cân kỹ thuật có độ chính xác 0.1%; bếp cách thủy; sàng 20mm; bảng so màu; NaOH 3%; rượu etylic 1%; tannin 2%	
29	Xác định cường độ và hệ số hóa mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:2006	Máy nén Ele, máy khoan mẫu, máy cắt gia công mẫu, máy mài, thước kẹp, thùng ngâm.	
30	Xác định độ nén đập và hệ số hóa mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:2006; ASTM D2937-17	Máy nén Ele, xi lanh bằng thép, cân kỹ thuật độ chính xác 0.01g, bộ sàng tiêu chuẩn, tủ sấy, thùng ngâm mẫu.	
31	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006; ASTM D4791-19(2023); ASTM C88/C88M-18; AASHTO T335-09	Cân kỹ thuật có độ chính xác 0.01g, thước kẹp cải tiến, bộ sàng tiêu chuẩn, tủ sấy 150 lít JP Selecta	
32	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hóa	TCVN 7572-17:2006	Cân kỹ thuật có độ chính xác 0.01g, tủ sấy (105±5)°C 150 lít JP Selecta, bộ sàng tiêu chuẩn, kim sắt, búa con	
33	Xác định hàm lượng hạt bị đập vỡ	TCVN 7572-18:2006; ASTM D5821-13(2017)	Cân kỹ thuật có độ chính xác 0.01g, kính lúp	
34	Xác định hàm lượng mica trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-20:2006	Cân phân tích chính xác đến 0.001g, tủ sấy (105±5)°C 150 lít JP Selecta, bộ sàng tiêu chuẩn, giấy nhám, đĩa thủy tinh.	
35	Xác định hàm lượng hạt nhỏ hơn 0.075mm	ASTM C117-23	Cân phân tích chính xác đến 0.01g, tủ sấy (105±5)°C 150 lít JP Selecta, sàng 0.075mm, khay chứa	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc thiết bị	Thí nghiệm viên phụ trách
IV THỬ NGHIỆM VỮA XÂY DỰNG				
36	Xác định khối lượng thể tích mẫu vữa đông rắn	TCVN 3121-10:2022	Cân kỹ thuật chính xác 0.1g, tủ sấy 150 lít JP Selecta, thước kẹp có độ chính xác tới 0.1mm, cân thủy tĩnh, parafin	-Đào Xuân Tam; -Lê Thị Quỳnh Anh; -Võ Việt Đông
37	Xác định cường độ uốn và cường độ nén của vữa đông rắn	TCVN 3121-11:2022	Khuôn đúc mẫu, tủ dưỡng hộ, máy trộn vữa xi măng Ele 5 lít, máy nén uốn Ele ADR Auto 250/25, bộ gồ uôn nén Ele, thước, tấm kính	
38	Xác định hệ số hút nước do mao dẫn của vữa đông rắn	TCVN 3121-18:2022	Cân kỹ thuật có độ chính xác tới 0.1%, tủ sấy 150 lít JP Selecta, bể ngâm mẫu, đồng hồ bấm giây, khuôn	
V GẠCH XÂY ĐẤT SÉT NUNG				
39	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6355-1:2009; ASTM C67-23	Thước có độ chính xác tới 0.1mm, khay đựng mẫu	-Đào Xuân Tam; -Lê Thị Quỳnh Anh; -Võ Việt Đông
40	Xác định cường độ chịu nén	TCVN 6355-2:2009; ASTM C67-23	Máy thử thủy lực, thước đo có độ chính xác tới 1mm, máy cắt mẫu, các miếng kính, bay, chảo	
41	Xác định cường độ uốn	TCVN 6355-3:2009; ASTM C67-23	Máy thử uốn thủy lực, thước đo có độ chính xác tới 1mm, máy cắt mẫu, các miếng kính, bay, chảo	
42	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:2009; ASTM C67-23	Cân kỹ thuật chính xác 1g, tủ sấy 150 lít JP Selecta tới 200°C, bể ngâm mẫu	
43	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 6355-5:2009; ASTM C67-23	Cân kỹ thuật chính xác 1g, tủ sấy 150 lít JP Selecta tới 200°C, thước đo có độ chính xác tới 1mm.	
44	Xác định độ rỗng	TCVN 6355-6:2009; ASTM C67-23	Cân kỹ thuật chính xác 1g, thùng ngâm mẫu, khay, quang để mẫu thử	
VI GẠCH BLOC BÊ TÔNG				
45	Xác định kích thước và mức khuyết tật ngoại quan	TCVN 6477:2016; ASTM C140C140M-125	Thước lá thép có vạch chia đến 1mm, thước kẹp có vạch chia đến 0.1mm	-Đào Xuân Tam; -Lê Thị Quỳnh Anh; -Võ Việt Đông
46	Xác định cường độ chịu nén	TCVN 6477:2016; ASTM C140C140M-125	Máy thử nén, Thước lá thép có vạch chia đến 1mm, tấm kính, bay, chảo	
47	Xác định độ rỗng	TCVN 6477:2016; ASTM C140C140M-125	Cân kỹ thuật chính xác 1g, thước đo có vạch chia đến 1mm, cát khô	
48	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:2009; ASTM C140C140M-125	Cân kỹ thuật có độ chính xác 1g, tủ sấy 150 lít JP Selecta tới 300°C, bể ngâm mẫu	
49	Xác định độ thấm nước	TCVN 6477:2016; ASTM C140C140M-125	Thiết bị thử độ thấm nước, khay chứa nước mẫu thử không bị rò rỉ nước, ống đo nước có đường kính (35÷45)mm và có vạch chia đến 2ml	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc thiết bị	Thí nghiệm viên phụ trách
VII THỬ NGHIỆM VẬT LIỆU KIM LOẠI VÀ LIÊN KẾT HÀN				
50	Thử kéo	TCVN 197-1:2014; TCVN 9391:2012; TCVN 7937:2013; TCVN 314:2008; ASTM A370-24; ASTM E8/E8M-22; AASHTO T244-20	Máy thử kéo – nén – uốn đa năng 1000kN, bộ ngàm kéo, thước, cân kỹ thuật	-Đào Xuân Tam; -Lê Thị Quỳnh Anh; -Võ Việt Đông
51	Thử uốn	TCVN 198:2008; ISO 7438-20 AASHTO T244-20; ASTM A370-24; ASTM A90/A90M-09	Máy thử kéo – nén – uốn đa năng 1000kN, bộ gối uốn, thước	
52	Thử kéo cáp dự ứng lực	ASTM A370-24; ASTM A1061/A1061M-09; TCVN 197-1:2014; ASTM A416M-24	Máy kéo – nén – uốn đa năng 1000kN, bộ ngàm kéo, thước, cân kỹ thuật	
53	Xác định cường độ chịu kéo ống thép	TCVN 314:2008; ASTM A53/A53M-20	Máy kéo – nén – uốn đa năng 1000kN, bộ ngàm kéo, thước	
54	Thử nghiệm kéo mỗi nối ống ren thép cốt bê tông	TCVN 8163:2009	Máy kéo – nén – uốn đa năng 1000kN, bộ ngàm kéo, thước cặp	
55	Thử nghiệm nén bẹp ống thép	TCVN 1830:2008	Máy kéo – nén – uốn đa năng 1000kN, thước, tấm nén	
VIII THÍ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG				
56	Kiểm tra kích thước mức khuyết tật ngoại quan cọc ly tâm ứng lực trước.	TCVN 7888:2014; JIS A 5373-16	Thước thép hoặc thước cuộn có độ chính xác 1mm, thước kẹp độ chính xác 0.1mm, bộ căn lá, êke.	-Đào Xuân Tam; -Lê Thị Quỳnh Anh; -Võ Việt Đông
57	Xác định mômen uốn gãy nứt vỡ tới hạn cọc ly tâm dự ứng lực trước.	TCVN 7888:2014; JIS A 5373-16	Máy ép thủy lực, bộ loadcell cảm biến lực 600kN và bộ hiển thị điện tử Proeti S.A, thước thép/thước cuộn có độ chính xác 1mm, bộ căn lá, đồng hồ so 50mm có giá trị vạch chia 0.01mm Mitutoyo, hệ khung thử tải.	
58	Xác định uốn nứt mỗi nối cọc ly tâm ứng lực trước.	TCVN 7888:2014; JIS A 5373-16	Máy ép thủy lực, bộ loadcell cảm biến lực 600kN và bộ hiển thị điện tử Proeti S.A, thước thép/thước cuộn có độ chính xác 1mm, bộ căn lá, đồng hồ so 50mm có giá trị vạch chia 0.01mm Mitutoyo, hệ khung thử tải.	
59	Thử uốn dưới lực nén dọc trục cọc ly tâm ứng lực trước.	TCVN 7888:2014; JIS A 5373-16	Máy ép thủy lực, bộ loadcell cảm biến lực 600kN và bộ hiển thị điện tử Proeti S.A, thước thép/thước cuộn có độ chính xác 1mm, bộ căn lá, đồng hồ so 50mm có giá trị vạch chia 0.01mm Mitutoyo, hệ khung thử tải.	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc thiết bị	Thí nghiệm viên phụ trách
60	Xác định khả năng chịu cắt cọc ly tâm ứng lực trước.	TCVN 7888:2014; JIS A 5373-16	Máy ép thủy lực, bộ loadcell cảm biến lực 600kN và bộ hiển thị điện tử Proeti S.A, thước thép/thước cuộn có độ chính xác 1mm, bộ căn lá, đồng hồ so 50mm có giá trị vạch chia 0.01mm Mitutoyo, hệ khung thử tải.	-Đào Xuân Tam; -Lê Thị Quỳnh Anh; -Võ Việt Đông
61	Kiểm tra độ bền uốn cọc ván	JIS A 5373-16	Máy ép thủy lực, bộ loadcell cảm biến lực 600kN và bộ hiển thị điện tử Proeti S.A, thước thép/thước cuộn có độ chính xác 1mm, bộ căn lá, đồng hồ so 50mm có giá trị vạch chia 0.01mm Mitutoyo, hệ khung thử tải.	
62	Xác định cường độ của bê tông bằng súng bật nảy.	TCVN 9334:2012	Súng bật nảy LBG-Italy, thước có độ chính xác 1mm, máy mài	
63	Kiểm tra kích thước mức khuyết tật ngoại quan cột điện bê tông cốt thép ly tâm.	TCVN 5847:2016	Thước thép hoặc thước cuộn có độ chính xác 1mm, thước kẹp độ chính xác 0.05mm, bộ căn lá	
64	Thử tải đầu cột điện bê tông cốt thép ly tâm	TCVN 5847:2016	Tời điện hoặc quay tay, thước thép hoặc thước cuộn có độ chính xác 1mm, thước kẹp có vạch chia đến 0.05mm, lực kế, bộ căn lá	
65	Thí nghiệm gia tải để đánh giá độ bền, độ cứng và khả năng chống nứt của cấu kiện bê tông và bê tông cốt thép đúc sẵn.	TCVN 9347:2012	Máy ép thủy lực, bộ loadcell cảm biến lực 600kN và bộ hiển thị điện tử Proeti S.A, thước thép/thước cuộn có độ chính xác 1mm, bộ căn lá, đồng hồ so 50mm có giá trị vạch chia 0.01mm Mitutoyo, hệ khung thử tải.	
66	Đánh giá cường độ bê tông hiện trường bằng phương pháp khoan.	TCXDVN 239:2006; TCVN 12252:2020; ASTM C42/C42M-20	Máy khoan mẫu DK-10A1 Hàn Quốc và bộ mũi khoan bê tông, máy nén Ele, máy cắt mẫu, cân có độ chính xác tới 0.1%, thước kẹp có độ chính xác tới 1%, bộ căn lá, êke	

PHỤ LỤC II
DANH SÁCH CÁN BỘ, THÍ NGHIỆM VIÊN

TT	Họ & tên	Năm sinh	Trình độ và chuyên môn	Chức vụ	Ghi chú
1	Đào Xuân Tam	1993	– Kỹ sư Xây dựng - Vật liệu Xây dựng – Chứng nhận Quản lý Phòng thí nghiệm theo TCVN ISO/IEC 17025 – Chứng chỉ thí nghiệm viên chuyên ngành xây dựng công trình giao thông: + Thí nghiệm về nhựa và bê tông nhựa + Thí nghiệm về đất đá + Thí nghiệm về xi măng, bê tông, xi măng, gạch xây + Thí nghiệm về vật liệu gia cố bằng chất kết dính vô cơ + Thí nghiệm về kim loại + Thí nghiệm về kiểm tra chất lượng công trình + Thí nghiệm về hóa – lý của một số loại vật liệu chuyên dùng trong XDCT	Trưởng phòng thí nghiệm Phụ trách về quản lý chất lượng	
2	Võ Việt Đông	1991	– Bằng kỹ sư – Kỹ sư Xây dựng – Chứng chỉ thí nghiệm viên chuyên ngành xây dựng công trình giao thông: + Thí nghiệm về nhựa và bê tông nhựa + Thí nghiệm về đất đá + Thí nghiệm về xi măng, bê tông, xi măng, gạch xây + Thí nghiệm về vật liệu gia cố bằng chất kết dính vô cơ + Thí nghiệm về kim loại + Thí nghiệm về kiểm tra chất lượng công trình + Thí nghiệm về hóa – lý của một số loại vật liệu chuyên dùng trong XDCT	Nhân viên phòng thí nghiệm Phụ trách kỹ thuật	
3	Lê Thị Quỳnh Anh	2003	– Bằng cử nhân – Kỹ thuật vật liệu. – Chứng chỉ thí nghiệm viên chuyên ngành xây dựng công trình giao thông: + Thí nghiệm về nhựa và bê tông nhựa + Thí nghiệm về đất đá + Thí nghiệm về xi măng, bê tông, xi măng, gạch xây + Thí nghiệm về vật liệu gia cố bằng chất kết dính vô cơ + Thí nghiệm về kim loại + Thí nghiệm về kiểm tra chất lượng công trình + Thí nghiệm về hóa – lý của một số loại vật liệu chuyên dùng trong XDCT	Nhân viên phòng thí nghiệm	

PHỤ LỤC III
DANH MỤC MÁY MÓC, THIẾT BỊ

STT	Tên máy móc, thiết bị	Số lượng	Đặc trưng kỹ thuật	Ngày đưa vào sử dụng	Ghi chú
1	Cân phân tích Mettler Toledo	1	Thụy Sĩ, MS204S /01 220g (+/-0.0001g)	17/6/2010	
2	Cân kỹ thuật GF-600	1	Nhật, GF-600 610g (+/-0.001g)	29/3/2011	
3	Cân bàn điện tử 60 kg	1	XK3190-T7E, 0 ÷ 60000 g (+/-5g)	29/3/2011	
4	Cân kỹ thuật GF-20K	1	Nhật, GF-20K 0 ÷ 21000 g (+/-0.1g)	29/3/2011	
5	Máy thử kéo- nén - uốn WE-1000B	1	Trung Quốc, 0-1000kN (+/-0.5kN)	13/9/2012	
6	Máy thử nén uốn bê tông Ele	1	Anh, Ele, ADR 3000 3000 kN (+/-0.1)	16/5/2011	
7	Máy thử nén uốn vữa-xi măng Ele	1	Anh, ADR Auto 250/25 Nén 250kN - Uốn 25kN (+/-0.001kN)	16/5/2011	
8	Tủ sấy 150 lít JP Selecta	1	Tây Ban Nha, V150 lít +5°C-250°C 230V, 50Hz, 1pha, 2100W	29/3/2011	
9	Thước cặp cải tiến	1	VN, Stainless hardened 0÷250mm (+/-0.02mm)	29/3/2011	
10	Nhiệt kế điện tử đo nhiệt độ bê tông tươi (kèm 01 đầu dò/ kênh đo)	1	Đài Loan, Hila TM-905A, -50~200 °C (0.1°C), 1 kênh,	27/6/2018	
11	Thước lá 500mm	1	Japan, AIIKI, (0 ÷ 500)mm (+/-1mm)	29/3/2011	
12	Ống đong thể tích	1	VN, 500 ml	2018	
13	Búa thử độ cứng bê tông LBG	1	Italy, thang độ cứng: 10 ~ 70 N/mm ² . (0-100)R; Lực va đập: 2,207 Nm	15/7/2011	
14	Bộ Vicat thử đông kết xi măng Proeti S.A	1	Tây Ban Nha Khung bằng kim loại có thước chia vạch +Khuôn vicat D70 x H80 mm +Kim thử bắt đầu đông kết D1.13 mm +Kim thử đông kết D1.13 mm +Tấm kính cho khuôn	31/5/2011	
15	Thùng đong 3 lít	1	VN, D160 mm x H149.2 mm x V3000ml	29/3/2011	
16	Thùng đong 10 lít	1	VN, D234 mm x H233.8mm x V10000ml	29/3/2011	
17	Thùng đong 15 lít	1	VN, D 265 mm x H265 mm x V15000 ml	29/3/2011	

STT	Tên máy móc, thiết bị	Số lượng	Đặc trưng kỹ thuật	Ngày đưa vào sử dụng	Ghi chú
18	Máy thử chống thấm bê tông	1	Jianyi Trung Quốc (0÷4) MPa (+/-0.05MPa), chất lỏng; nguồn 220v	29/3/2011	
19	Loadcell thử tải Proeti S.A 600kN và bộ hiển thị điện tử	1	Tây Ban Nha Hãng sản xuất: Proeti S.A, Pmax=600kN, Cấp chính xác 1; 2	31/5/2011	
20	Lò nung Nabertherm-Đức	1	Đức, Max 1200°C Dung tích lò: 9 lít 230V, 50Hz, 1pha, 3.6kW	17/6/2010	
21	Đồng hồ so 50mm Mitutoyo	1	Nhật, (0÷50)mm (+/-0.01mm)	29/3/2011	
22	Máy sàng khí Air Jet Sieve-Filtra	1	Tây Ban Nha, FTLBA_I0200 Dùng phân tích cho các vật liệu khô dạng bột và dạng hạt. Cỡ hạt phân tích được từ 5µm đến 4000 µm 220V, 50HZ, 19W	17/06/2010	
23	Sàng Air Jet Sieve	1	Tây Ban Nha, loại 0.045mm và 0.09mm Khung lưới bằng thép không gỉ AISI 316.	17/06/2010	
24	Máy hút chân không Nilfish GM80	1	Tây Ban Nha, dùng cho máy sàng khí Air Jet Sieve. FTLBA_I0200 220, 50Hz, 1200 w	17/06/2010	
25	Máy dẫn tạo mẫu khuôn xi măng Proeti TBN	1	Tây Ban Nha Tần số rung 60 lần/phút. Biên độ rung 15mm. 220-240V, 50Hz.	31/05/2011	
26	Máy trộn vữa xi măng 5 lít-Ele	1	Anh Dung tích trộn: 5 lít -Nguồn điện: 220V, 50Hz, 180W -Kích thước: L530 x W555 x H580mm. Khối lượng: nặng 60kg Cung cấp bao gồm: +Máy trộn tự động/ bằng tay +Bộ phận Dispenser rót cát tự động +Bộ phận thêm nước +Bồn trộn bằng thép không gỉ.	16/05/2011	
27	Tủ dưỡng mẫu xi măng	1	Tây Ban Nha Hệ thống tạo ẩm bảo hòa 220-240V, 50Hz, 1ph	31/05/2011	
28	Thiết bị đo độ mịn Blaine	1	Anh, áp kế thủy tinh hình chữ U có vale, chân giá đỡ, cell mẫu thép không gỉ, đĩa đục lỗ và plunger, quả bóp bằng cao su dung dịch áp kết và giấy lọc.	16/05/2011	

STT	Tên máy móc, thiết bị	Số lượng	Đặc trưng kỹ thuật	Ngày đưa vào sử dụng	Ghi chú
29	Bộ kim thử lượng nước tiêu chuẩn, bắt đầu và kết thúc ninh kết	1	Tây Ban Nha $\phi 10 \pm 0.05 \text{mm}$ $\phi 1.13 \pm 0.05 \text{mm}$	16/05/2011	
30	Khuôn vicat	1	Tây Ban Nha D70mm; D80mm	31/05/2011	
31	Khuôn đo giãn nở Le Chatelier-Proeti S.A	1	Tây Ban Nha D300mm; L150mm	31/05/2011	
32	Thiết bị điều nhiệt mẫu Le Chatelier - Proeti S.A	1	Tây Ban Nha, có thể đặt cùng lúc 06 mẫu Le Chatelier. - Nhiệt độ điều chỉnh từ môi trường 100°C - Nguồn điện: 220V/ 50Hz, 1500W Cung cấp kèm với nắp đậy và tài liệu sử dụng	31/05/2011	
33	Khuôn đúc mẫu vữa-xi măng theo TCVN	1	Tây Ban Nha, khuôn làm bằng thép cứng 200HV Kích thước khuôn 40x40x160 mm, 3 khuôn liền nhau	31/05/2011	
34	Khuôn đúc mẫu vữa-xi măng theo ASTM	1	Việt Nam, khuôn thép, 3 ngăn Kích thước khuôn 50x50x50 mm, 3 khuôn liền nhau	16/05/2011	
35	Máy cắt nước một lần GFL	1	Đức, công suất cắt tối đa: 4 lít/giờ. - Nguồn điện: 230V, 50/60Hz, 3000W. - Kích thước: 620 x 330 x 460mm, trọng lượng: 20.2 kg	29/03/2011	
36	Bộ thiết bị Vicat tự động Ele (Thiết bị thử nghiệm nội bộ)	1	Anh, 220-240V, 50-60HZ	16/05/2011	
37	Máy rửa sàng Haver USC	1	Đức, dùng để rửa sàng D230 - Công suất sóng siêu âm 2x240 w/chu kỳ - Tần số siêu âm 35 kHz - Dung tích chứa 5,7 lít thay đổi 3.5 lít - Kích thước D245 x H130 mm	17/06/2010	
38	Chén nung sứ 38ml Haldenwanger	1	Đức, kích thước $\phi 45 \times H36 \text{mm}$ Phù hợp TC DIN 12604 Chịu nhiệt độ đến 1000°C	17/06/2010	
39	Chén cân Schott	1	Đức, loại thấp dung sấy ẩm Bằng thủy tinh có nắp đậy $\phi 54 \times H30 \text{mm}$ và $\phi 85 \times H30 \text{mm}$	17/06/2010	
40	Bình hút ẩm $\phi 300 \text{mm}$ có vòi	1	Đức, có van hút chân không Dung tích hữu ích: 18.5 lít	17/06/2010	

STT	Tên máy móc, thiết bị	Số lượng	Đặc trưng kỹ thuật	Ngày đưa vào sử dụng	Ghi chú
41	Bộ sàng cốt liệu TCVN (Hiệu Endecontts)	1	Anh D200mm × H50mm và D300mm × H75mm	14/04/2011	
42	Bộ sàng cốt liệu ASTM (Hiệu Endecontts)	1	Anh D200mm × H50mm và D300mm × H75mm	14/04/2011	
43	Bộ sàng hạt thoi dẹt EN 933-1 Filtra	1	Tây Ban Nha Kích thước (300×300)mm Loại sàng thanh cho đá thoi dẹt, lỗ thoi dẹt	29/03/2011	
44	Côn thử độ sụt của cốt liệu, để xác định trạng thái hút nước của cốt liệu	1	Việt Nam, côn bằng thép không gỉ φ _{nhỏ} = 40mm, φ _{lớn} = 90mm, H=75mm Que chọc kim loại	29/03/2011	
45	Máy sàng rung cốt liệu nhỏ - Endecott	1	Anh, vận hành bằng điện tử với 3 tác động lắc. Thích hợp lắc sàng cỡ φ200mm, Một lần lắc được 8 cái rây. 220V, 50HZ	14/04/2011	
46	Máy sàng đá - AdcanTech Mfg dạng lắc	1	Mỹ 506 x 779 x 1499mm 220V, 50Hz, 1pha. Khối lượng 80 kg Cỡ sàng 203-305mm	29/03/2011	
47	Giỏ cân, bàn cân thủy tĩnh	1	Việt Nam, kích thước: φ200xH200mm	29/03/2011	
48	Khay inox đựng, sấy nguyên vật liệu	1	Việt Nam Loại 300×400mm; 350×500mm; 400×500mm	29/03/2011	
49	Dụng cụ lấy mẫu cốt liệu, bê tông	1	Việt Nam, giá xúc, bộ chia mẫu...	2011	
50	Côn thử độ sụt bê tông	1	Việt Nam D100mm × D200mm × H300mm	29/03/2011	
51	Khuôn đúc mẫu bê tông chống thấm (15x15)cm	1	Việt Nam D150mm × H150mm	29/03/2011	
52	Khuôn đúc mẫu bê tông dạng lập phương (15×15×15)cm	1	Việt Nam (D150xH150xD150) mm	29/03/2011	
53	Khuôn đúc mẫu trụ bê tông (15×30)cm	1	Việt Nam D150mm × H300mm	29/03/2011	
54	Khuôn đúc mẫu dầm bê tông TN uốn (15×15×60)cm	1	Việt Nam D150mm×D150mm × L600mm	29/03/2011	
55	Thiết bị dẫn đúc mẫu bê tông	1	Anh, dùng dàn rung đúc mẫu bê tông.	16/05/2011	

STT	Tên máy móc, thiết bị	Số lượng	Đặc trưng kỹ thuật	Ngày đưa vào sử dụng	Ghi chú
			Kích thước bàn rung: 320x625mm		
56	Gối truyền tải, khung thử uốn 100kN	1	Anh, kích thước 380x505x845mm	16/05/2011	
57	Máy trộn bê tông cường bức 150 lít – Proeti S.A	1	Tây Ban Nha, V150 lít, 290 kg, 380V, 50HZ, 1100W	31/05/2011	
58	Máy trộn bê tông thường 150 lít, 2 trục	1	Việt Nam, V150 lít, 220V, 50HZ	29/03/2011	
59	Máy cắt mẫu thép, bê tông	1	Việt Nam, công suất mô tơ 2 HP. Cung cấp theo lưỡi cắt sắt D350mm và lưỡi cắt bê tông D350mm.	29/03/2011	
60	Máy khoan mẫu DK-10A1 và bộ mũi khoan bê tông	1	Hàn Quốc, sử dụng động cơ điện công suất 2200W -Có hai tốc độ khoan: 470 và 1100 vòng/ phút -Sử dụng mũi khoan lớn nhất max. $\phi 254$ mm (10") -Nguồn điện: 220V-230V, 50/60Hz, 10A. Trọng lượng: 23.5kg	29/03/2011	
61	Hệ khung và kích, xi lanh gia tải tới 200 tấn	1	Việt Nam, Trung Quốc, Tây Ban Nha, kích thủy lực 200 tấn Kết hợp bộ đo cảm biến loadcell và đầu hiển thị điện tử	14/04/2011	
62	Đồng hồ bấm giây điện tử	1	Nhật, Loại Q&Q Stop Watch điện tử (0÷24)h	29/03/2011	
63	Thiết bị đo hàm lượng bọt khí bê tông-Ele	1	Anh, 7 lít, (0 ÷ 22)%	16/05/2011	
64	Bảng so sánh màu chuẩn	1	Việt Nam, xác định hàm lượng lượng hữu cơ bằng phương pháp so sánh màu chuẩn	29/03/2011	
65	Dụng cụ kiểm tra giãn nở khuôn Le Chatelier	1	Trung Quốc, khoảng đo: -25 ~ +25 mm/ vạch chia 1mm -Quả gia tải: 300 g	29/03/2011	
66	Thiết bị đo kháng xuyên-ELE	1	Anh, lực: 2 ~150 lbs/ chia vạch 2lbs Kim: 650/ 325/ 160/ 65/ 32 và 16 mm ²	16/05/2011	
67	Bình tỉ trọng Le Chaterlie-Pobel TBN	1	Tây Ban Nha, V250 ml; cổ vạch chia 0 ~1 ml (+/- 0.05 ml)	29/03/2011	
68	Bể dưỡng hộ mẫu bê tông	10	Tây Ban Nha, bằng thép không gỉ Kích thước: L=1650mm R=850mm, H=550mm	31/05/2011	
69	Bể dưỡng hộ mẫu vữa, xi măng	12	Tây Ban Nha, bằng thép không gỉ, 2 tầng	31/05/2011	

STT	Tên máy móc, thiết bị	Số lượng	Đặc trưng kỹ thuật	Ngày đưa vào sử dụng	Ghi chú
			Kích thước: L=1400mm R=700mm, H=120mm		
70	Tấm đế cao su capping nén mẫu	1	Italy, Model C107-21 Matest	17/01/2022	
71	Máy nén khí	1	Việt Nam, 220-240V, 50HZ, 2HP	29/03/2011	
72	Máy in – photo, các bộ máy tính PC làm việc, hệ thống tủ lưu hồ sơ, bàn làm việc...	1	Nhật, Mỹ, Việt Nam Máy in lớn Ricoh MP3055 Các bộ máy PC Dell, HP, Samsung...	11/11/2010	
73	Các thiết bị phụ trợ khác như: xe máy lôi, xe rửa, bếp hồng ngoại, giá xúc, bay, bao tay, thước, nivo, eke, pipet...	1	Việt Nam, Trung Quốc, Tây Ban Nha, Nhật Wave, Sanaky SNK-2102HG, ITP...	2011; 04/01/2022	

PHỤ LỤC IV
DANH MỤC KIỂM ĐỊNH, HIỆU CHUẨN

STT	Phương tiện đo lường	Số giấy kiểm định/ hiệu chuẩn	Ngày kiểm định/ hiệu chuẩn	Đơn vị kiểm định/ hiệu chuẩn	Ghi chú
1	Cân phân tích Mettler Toledo 220g	BSI.26.003	16/3/2026	Trung Tâm KĐ-HC Đo Lường Miền Nam	Kiểm định
2	Cân kỹ thuật GF-600 610g	BSI.26.004	16/3/2026	Trung Tâm KĐ-HC Đo Lường Miền Nam	Kiểm định
3	Cân bàn điện tử 60 kg	BSI.26.007	16/3/2026	Trung Tâm KĐ-HC Đo Lường Miền Nam	Kiểm định
4	Cân kỹ thuật GF-20K 21000g	BSI.26.001	16/3/2026	Trung Tâm KĐ-HC Đo Lường Miền Nam	Kiểm định
5	Máy thử kéo – nén - uốn WE-1000B, 1000kN	BSI.26.002	16/3/2026	Trung Tâm KĐ-HC Đo Lường Miền Nam	Kiểm định
6	Máy thử nén uốn bê tông Ele 3000kN (S/N: 1900D0001-1370)	BSI.26.005	16/3/2026	Trung Tâm KĐ-HC Đo Lường Miền Nam	Kiểm định
7	Máy thử nén uốn vữa-xi măng Ele 250/25 kN ADR-AUTO-250/25	BSI.26.006	16/3/2026	Trung Tâm KĐ-HC Đo Lường Miền Nam	Kiểm định
8	Tủ sấy 150 lít JP Selecta	BSI.26.018	17/6/2026	Trung Tâm KĐ-HC Đo Lường Miền Nam	Hiệu chuẩn
9	Thuốc cặp	BSI.26.023	17/6/2026	Trung Tâm KĐ-HC Đo Lường Miền Nam	Hiệu chuẩn
10	Đồng hồ đo và đầu đo nhiệt độ bê tông (kèm 01 đầu dò/ kênh đo)	BSI.26.022	17/6/2026	Trung Tâm KĐ-HC Đo Lường Miền Nam	Hiệu chuẩn
11	Thuốc thép lá 500mm	BSI.26.011	17/6/2026	Trung Tâm KĐ-HC Đo Lường Miền Nam	Hiệu chuẩn
12	Ống đong chia độ 500 mL	BSI.26.030	17/6/2026	Trung Tâm KĐ-HC Đo Lường Miền Nam	Hiệu chuẩn
13	Búa thử độ cứng bê tông LBG	BSI.26.025	17/6/2026	Trung Tâm KĐ-HC Đo Lường Miền Nam	Hiệu chuẩn
14	Dụng cụ Vicat thử đông kết xi măng Proeti S.A	BSI.26.024	17/6/2026	Trung Tâm KĐ-HC Đo Lường Miền Nam	Hiệu chuẩn
15	Thùng đong 3 lít	BSI.26.027	17/6/2026	Trung Tâm KĐ-HC Đo Lường Miền Nam	Hiệu chuẩn

STT	Phương tiện đo lường	Số giấy kiểm định/ hiệu chuẩn	Ngày kiểm định/ hiệu chuẩn	Đơn vị kiểm định/ hiệu chuẩn	Ghi chú
16	Thùng đong 10 lít	BSI.26.028	17/6/2026	Trung Tâm KĐ-HC Đo Lường Miền Nam	Hiệu chuẩn
17	Thùng đong 15 lít	BSI.26.029	17/6/2026	Trung Tâm KĐ-HC Đo Lường Miền Nam	Hiệu chuẩn
18	Áp kế máy thử chống thấm bê tông	BSI.26.020	17/6/2026	Trung Tâm KĐ-HC Đo Lường Miền Nam	Hiệu chuẩn
19	Cảm biến lực loadcell Proeti S.A 600kN và bộ hiển thị điện tử	BSI.26.013	17/6/2026	Trung Tâm KĐ-HC Đo Lường Miền Nam	Hiệu chuẩn
20	Đồng hồ so 50mm Mitutoyo – Nhật Bản	BSI.26.026	17/6/2026	Trung Tâm KĐ-HC Đo Lường Miền Nam	Hiệu chuẩn
21	Nhiệt - ẩm kế	BSI.26.032	17/6/2026	Trung Tâm KĐ-HC Đo Lường Miền Nam	Hiệu chuẩn
22	Lò nung Naberthern - Đức Max 1200°C Dung tích lòng lò: 9 lít	BSI.26.008	16/03/2026	Trung Tâm KĐ-HC Đo Lường Miền Nam	Hiệu chuẩn

